

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2025/DS-PT
Ngày 25 - 02 - 2025
V/v tranh chấp yêu cầu thay đổi
người quản lý di sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Tấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 555/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu thay đổi người quản lý di sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 339/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 415/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Hữu T, sinh năm 1948; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tô N - Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Hữu L, sinh năm 1948; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Luật sư Trần Hoàng P - Văn phòng Luật sư Trần Hoàng H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

2. Ông Ngô Hữu T1, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Hữu T1:

2.1. Bà Tạ Kim V, sinh năm 1955; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Anh Ngô Thanh T2, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.3. Anh Ngô Văn L1, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.4. Chị Ngô Hồng D, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.5. Chị Ngô Thị L2, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.6. Chị Ngô Thị L3, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.7. Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1937; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Trung P1, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Hoài T4; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Trung Q, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8. Bà Ngô Thị S, sinh năm 1945; Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

9. Bà Ngô Thị B1, sinh năm 1947; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

10. Ông Ngô Hữu T6, sinh năm 1952; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

11. Bà Ngô Kim C1, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

12. Bà Tạ Kim V; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
13. Anh Ngô Thanh T2, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
14. Chị Trần Thị C2; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
15. Bà Trịnh Thị G, sinh năm 1950; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).
16. Anh Ngô Út T7, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).
17. Chị Hồ Ngọc L4; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
18. Anh Lê Văn B2, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
19. Anh Lê Quốc T8, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)
20. Chị Lê Thị K, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
21. Ông Lê Văn V1; Địa chỉ cư trú: Hẻm G, đường L, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).
22. Ông Lê Văn B3, sinh năm 1950; Địa chỉ cư trú: Khóm E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
23. Ông Lê Văn B4, sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: Khóm E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
24. Bà Phương Kim H1, sinh năm 1953; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
25. Bà Phương Kim T9, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
26. Bà Phương Kim N1, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
27. Bà Phương Kim S1, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
28. Ông Phương Hoài H2, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
29. Chị Phương Ngọc Đ1, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
30. Chị Phương Thu Đ2, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

31. Chị Phương Thu Q1, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Hữu L là nguyên đơn; bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Ngô Hữu T trình bày:*

Theo Bản án phúc thẩm số 127/2018/DS-PT ngày 05/7/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau có giao cho ông L và ông Thành phần đất khu 2 diện tích là 2.391m² là phần đất dùng vào việc thờ cúng. Ông L và ông T1 có nghĩa vụ bảo quản, không được bán, trao đổi, tặng cho, thế chấp hoặc định đoạt riêng bằng hình thức khác khi không được sự đồng ý của đồng thừa kế.

Tuy nhiên từ khi quản lý đất đến nay, ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ, không tôn tạo, bồi đắp, làm nước ngập khu nhà mộ, khoan hết lối đi vào nhà mộ để lấy mặt nước nuôi tôm, tư lợi cá nhân. Thấy khu đất nền mấp mả, nước ngập nên gần đây ông T có đưa cơ giới vào mức ven khu đất tạo một bờ bao ngăn nước tràn vào.

Nay được sự thống nhất các anh em đồng ý giao cho T quản lý khu đất này, tôi yêu cầu ông L và hàng thừa kế của ông T1 giao lại cho ông T quản lý diện tích khu đất thờ cúng theo đo đạc thực tế. Trường hợp được Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, ông sẽ tiến hành bao chu vi và bồi đắp toàn bộ khu đất, làm lối đi từ lộ vào khu nền mộ.

- *Bị đơn ông Ngô Hữu L trình bày:*

Theo biên bản họp thân tộc ngày 04/8/2022 mà ông T cung cấp trong hồ sơ là không đúng, đây chỉ là biên bản họp các anh em chứ không phải họp thân tộc. Năm 2018, ông và ông T1 được giao quản lý phần đất khu 2 diện tích 2.391m² theo Bản án phúc thẩm số 127/2018/DS-PT ngày 05/7/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau, khu đất này là khu đất dùng vào việc thờ cúng.

Về hiện trạng từ khi được giao đất đất nay có thay đổi là do ông T1 có xây dựng chuồng heo và nhà vệ sinh lấn chiếm vào khu đất nhưng ông không xác định được diện tích bao nhiêu, khoan đất làm mất lối đi vào khu nhà mộ. Năm 2020 ông T1 có khởi kiện yêu cầu ông giao lại khu đất trên và cho rằng ông có các vi phạm như để nước tràn ngập khu nền mộ, khoan đất làm mất lối đi vào khu nền mộ, sau khi Toà án xuống khảo sát thấy hiện trạng không thay đổi nên Toà án không giải quyết. Ông T1 từ khi được giao quản lý đất không có tham gia bồi đắp, tôn tạo mộ mả.

Vào ngày 10/3/2023 (âm lịch) do thủy triều lên, cống ông bị vỡ nên nước có tràn ngập khu nhà mộ, chỉ một lần duy nhất, sau đó khoảng 1 giờ ông đã khôi phục được. Việc ông T và ông T1 cho rằng ông thường xuyên để nước tràn ngập khu nhà mộ là không đúng.

Năm 2021, ông T tự ý đưa cơ giới vào mức đất quanh khu nhà mộ, làm diện

tích hợp lại, đòi khoan đất vào ông không đồng ý nên có yêu cầu trưng áp đến chứng kiến. Khu đất vẫn cao ráo, không bị ngập nước như ông T trình bày. Ông khẳng định từ khi được giao đất đến nay ông vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ quản lý khu đất nên qua yêu cầu khởi kiện của ông T ông không thống nhất, ông yêu cầu được tiếp tục quản lý khu đất.

- *Bị đơn ông Ngô Hữu T1 trình bày:* Từ khi được giao quản lý đất đến nay ông không có quản lý mà do ông L quản lý vì ông L5 giành toàn bộ. Việc ông T trình bày ông L quản lý khu đất thờ cúng không tốt là đúng, ông L đã khoan đất thay đổi hiện trạng khu đất, để nước tràn ngập khu đất nền mồi. Qua yêu cầu khởi kiện của ông T, ông đồng ý giao lại khu đất trên cho ông T quản lý. Việc ông L để nước ngập khu mồi là thường xuyên, có đợt ngập qua tới nhà ông. Ông có xây dựng chuồng heo nhưng hiện nay không còn nuôi, tôi đồng ý tháo dỡ trả lại hiện trạng. Nếu trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thế thì ông yêu cầu được tiếp tục quản lý khu đất cùng ông L.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 là bà Tạ Kim V trình bày:* Bà là vợ của ông T1. Bà thống nhất theo ý kiến của ông T1 trước đây đã trình bày trong vụ án. Từ khi được giao quản lý khu đất cùng ông L thì ông T1 không quản lý được do ông L ngăn cản. Lối vào khu nhà mồi trước đây đã bị ông L đưa cơ giới vào khoan mất lối đi. Sau khi ông L chết, cách đây vài ngày bà phát hiện lối vào nền mồi có thay đổi, có 1 lổm đất bị đào cạp vách nhà bà khoản 1,5m², không xác được do ai đào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 339/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hữu T. Buộc ông Ngô Hữu L và hàng thừa kế của ông Ngô Hữu T1 gồm: bà Tạ Kim V, anh Ngô Văn L1, chị Ngô Hồng D, chị Ngô Thị L2, anh Ngô Thanh T2, chị Ngô Thị L3 và chị Ngô Thị Đ nghĩa vụ giao lại cho ông Ngô Hữu T diện tích khu đất là 2.683,3m², ông T có trách nhiệm quản lý, sử dụng phần đất dùng vào việc thờ cúng, có nghĩa vụ bảo quản, không được bán, trao đổi, tặng cho, cầm cố, thế chấp hoặc định đoạt tài sản bằng hình thức khác nếu không được sự đồng ý của các hàng thừa kế, cụ thể:

- Phần bên ngoài lộ thuộc thửa 466, tờ bản đồ số 10 diện tích 37,4m², có vị trí tứ cận kèm theo.

- Phần bên trong lộ thuộc thửa 467, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.645,9m², có vị trí tứ cận kèm theo.

2. Buộc bà Tạ Kim V, anh Ngô Văn L1, chị Ngô Hồng D, chị Ngô Thị L2, anh Ngô Thanh T2, chị Ngô Thị L3 và chị Ngô Thị Đ có nghĩa vụ di dời phần nhà vệ sinh và chuồng heo lẩn chiếm trên khu đất diện tích 40,4m² để trả lại hiện trạng khu đất.

(kèm theo minh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 06/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2024, ông Ngô Hữu L, bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Hữu L, bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7 G1 nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Hữu L, Luật sư Trần Hoàng P tranh luận: Ông L không có hành vi làm thay đổi hiện trạng, làm thiệt hại di sản thờ cúng. Ông L là người thờ cúng cha mẹ. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, ông Ngô Hữu L. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo thì hủy án sơ thẩm.

Bị đơn, ông Ngô Hữu L tranh luận: Ông là nuôi dưỡng cha mẹ lúc còn sống và là người thờ cúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cho nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Tố N tranh luận: Ông T1 có cất nhà vệ sinh, chuồng heo xâm phạm phần nền mộ. Ông L có sử dụng phần đất khu mộ nuôi tôm là có thu lợi cá nhân. Các đồng thừa kế còn lại có yêu cầu thay đổi người quản lý di sản. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Nguyên đơn, ông Ngô Hữu T tranh luận: Yêu cầu giao lại khu đất có nhà mồ cho ông quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Út T7 không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trịnh Thị G không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Hữu L, bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 339/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Ngô Hữu L, bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 127/2018/DS-PT ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có hiệu lực pháp luật đã tuyên có nội dung: “Ông Ngô Hữu T1 và ông Ngô Hữu L có trách nhiệm quản lý di sản phần đất khu 2 diện tích khu mộ và xung quanh khu mộ vị trí từ điểm M9 đến điểm M16 tổng diện tích

2.391m² (Kèm theo bản vẽ BL 212). Ông Ngô Hữu L và ông Ngô Hữu T1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng các phần đất dùng vào việc thờ cúng, có nghĩa vụ bảo quản không được bán, trao đổi, tặng cho, cầm cố thế chấp hoặc định đoạt tài sản bằng hình thức khác nếu không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Trường hợp ông T1 và ông L không thực hiện tốt trách nhiệm của người quản lý di sản thì các đồng thừa kế có quyền giao phần đất nêu trên cho người khác để quản lý” (Bút lục số 09-13). Ông L là người đã trực tiếp sử dụng phần đất này và thực hiện việc thờ cúng; ông T1 thừa nhận ông L trực tiếp quản lý đất.

[2] Ông Ngô Hữu T khởi kiện yêu cầu giao cho ông T được quản lý, sử dụng phần đất khu nhà mồ do ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ, không tôn tạo, bồi đắp, làm nước ngập khu nhà mồ, khoan hết lõi đi vào nhà mồ để lấy mặt nước nuôi tôm, tư lợi cá nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản ghi lời khai người làm chứng (Bút lục số 111), ông Phù Chí C3 là Trưởng ấp T, xã T, huyện Đ xác nhận: Ông C3 có tham gia giải quyết tranh chấp giữa anh em ông L nhiều lần nên biết rõ hiện trạng khu đất thờ cúng. Ông T và ông T1 có nhờ địa phương giải quyết, vận động ông L cho làm lõi đi vào khu mộ. Ông L đồng ý nhưng ông T1 yêu cầu được hưởng và quản lý ½ phần đất trên nên ông L không đồng ý. Về hiện trạng phần đất khu mộ từ khi Tòa án giải quyết giao cho ông T1 và ông L quản lý đến nay không có thay đổi. Phần nền mộ chỉ khoảng 300m², còn lại là mặt nước. Có thời điểm do triều cường lên cao, cống của ông L bị bể, nước tràn vào vuông tôm gây ngập khu nhà mồ nhưng sau đó ông L đã khắc phục. Ông T có đưa cơ giới vào mức đất ven khu nhà mồ chống nước tràn thì có xảy ra cự cãi là do mức qua đất ông L, chứ phía ông L vẫn thống nhất việc ông T ven đất quanh khu nền mộ. Tại Công văn số 58/CV-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin đối với đất tranh chấp (Bút lục số 167A): Theo hiện trạng đo đạc đối với khu vực đất trong vụ chia thừa kế năm 2018 so với thời điểm thẩm định vào ngày 01 tháng 3 năm 2024 có sự thay đổi tại khu vực 1.000m², cụ thể:

“1. Khu vực nền mộ (nền đất không ngập nước)

- Khu vực nền mộ có đất nền theo cảm quan có thay đổi về hiện trạng (nhỏ đi) so với thời điểm 2018

2. Khu vực phần đất ngập nước (trảng bồi)

- Khu vực này năm 2018 chỉ ngập nước khoảng 0,2m - 0,3m, hiện nay khu vực này ngập nước khoảng 0,5m – 0,6m

Phần lõi vào nền mộ không có sự thay đổi.”

Như vậy, khu nền mộ có sự thay đổi không đáng kể, việc khu đất mồ mả nhỏ hơn là có sự góp phần của ông T do đưa cơ giới vào mức đất ven khu nhà mồ. Ông L là người thờ cúng từ khi được giao quản lý đất đến nay, cũng không có chuyển quyền sử dụng đất cho người khác. Do đó, ông L đã thực hiện tốt trách nhiệm của người quản lý di sản. Án sơ thẩm buộc ông L, ông T1 giao phần đất cho ông T quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng là không phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Hữu L, bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7. Sửa bản án sơ thẩm số: 339/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nên nguyên đơn ông Ngô Hữu T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 5.173.000 đồng (đã nộp xong).

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Ngô Hữu Thế L6 người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Hữu L, bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7 không phải chịu án phí. Ông Ngô Út T7 có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, được nhận lại.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Hữu L, bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 339/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hữu T về việc buộc ông Ngô Hữu L và hàng thừa kế của ông Ngô Hữu T1 gồm: bà Tạ Kim V, anh Ngô Văn L1, chị Ngô Hồng D, chị Ngô Thị L2, anh Ngô Thanh T2, chị Ngô Thị L3 và chị Ngô Thị Đ giao lại cho ông Ngô Hữu T diện tích khu đất là 2.683,3m², ông T quản lý, sử dụng.

(Kèm theo Mạnh đo đạc chính lý thửa đất ngày 06/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Hữu T phải chịu số tiền 5.173.000 đồng (đã nộp xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Hữu T được miễn nộp. Ông Ngô Hữu L, bà Tạ Kim V, anh Ngô Văn L1, chị Ngô Hồng D, chị Ngô Thị L2, anh Ngô Thanh T2, chị Ngô Thị L3 và chị Ngô Thị Đ không phải chịu án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Hữu L, bà Trịnh Thị G, ông Ngô Út T7 không phải chịu. Ngày 14 tháng 10 năm 2024, ông Ngô Út T7 có nộp tạm

ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001924 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung